

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH THỦY
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 08 /2025/HNGĐ-ST
Ngày 28 tháng 4 năm 2025
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH THỦY, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Tấn

Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Hồng Canh

Ông Nguyễn Thành Lâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Hồng Nhung - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Văn Đoàn Vân Anh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 4 năm 2025. Tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. Toà án nhân dân huyện Thanh Thủy mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 150/2024/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2024 về tranh chấp “Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2025/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2025 và Thông báo mở lại phiên tòa số 05/TB-TA ngày 17 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 2001;

Nơi ĐKKHKT: Khu F, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ;

(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Anh **Dương Hồng Q**, sinh năm 2000;

Nơi ĐKKHKT: Khu F, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ;

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại Tòa án – Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Dương Hồng Q kết hôn với nhau ngày 11/7/2022. Việc kết hôn giữa anh chị là hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau, tình cảm vợ chồng thời gian đầu. Đến ngày 04/7/2024 xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, bất đồng về tính cách, bất đồng về kinh tế. Vợ chồng đã ly thân từ đó đến nay không ai còn quan tâm đến nhau nữa. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị ly hôn anh Dương Hồng Q.

Về con chung: Chị xác nhận chị và anh Dương Hồng Q có 01 con chung là Dương Thị Hồng N, sinh ngày 10/11/2022. Cháu đang ở cùng chị tại nhà bà ngoại ở

thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Ly hôn, chị đề nghị chị được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, trong nom, chăm sóc, giáo dục cháu N cho đến khi cháu Ngọc thành N1; Chị không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp, tài sản cho vay: Chị không đề nghị giải quyết.

*Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh Dương Hồng Q đến làm việc và thông báo cho anh Q đến tham gia các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên anh Q đều vắng mặt không đến mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.

*Tại biên bản lấy lời khai bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1936 (là bà nội của anh Dương Hồng Q) và chị Dương Thị Hồng V (Là em gái ruột sống cùng nhà anh Q), bà C và chị V đều khai: Anh Dương Hồng Q hiện có đăng ký nhân khẩu thường trú, chỗ ở cùng với bà C, chị V và bố mẹ chị V tại khu F, xã Đ, huyện T. Tuy nhiên hiện nay anh Q đi làm thợ xây cùng bố mẹ đẻ tại Hà Nội thỉnh thoảng mới về nhà.

Anh Dương Hồng Q và chị Nguyễn Thị T có sự tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ vào năm 2022. Sau khi kết hôn, anh Q, chị T chung sống cùng gia đình nhà chồng tại khu F, xã Đ. Quá trình chung sống giữa chị T và gia đình nhà chồng không xảy ra mâu thuẫn gì, tuy nhiên giữa chị T và anh Q thường xuyên bất đồng quan điểm, ít quan tâm chăm sóc lẫn nhau, chị T đã nhiều lần bỏ về bên ngoại, chị T và anh Q đã ly thân với nhau từ lâu không ai còn quan tâm, chăm sóc đến nhau nữa. Chị T và anh Q có 01 con chung là cháu Dương Thị Hồng N – Sinh ngày 10/11/2022, hiện đang sống cùng chị T.

Chị T và anh Q xảy ra mâu thuẫn gia đình đã động viên, khuyên bảo nhưng không khắc phục được. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án có gửi, tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh Q, gia đình đều nhận được, đều thông báo động viên anh Q đến Tòa án làm việc tuy nhiên do bận công việc anh Q không đến Tòa án làm việc. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Qua xác minh tại Hội L và Ủy ban nhân dân xã Đ, xác định: Anh Dương Hồng Q và chị Nguyễn Thị T có sự tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ vào năm 2022. Sau khi kết hôn, anh Q, chị T chung sống cùng gia đình nhà chồng tại khu F, xã Đ. Quá trình chung sống giữa chị T và anh Q xảy ra mâu thuẫn cụ thể như thế nào thì địa phương không nắm được vì không có báo cáo gì, qua nắm bắt hiện nay chị T đã về bên ngoại sinh sống, anh Q đi làm cùng bố mẹ đẻ tại Hà Nội, chị T và anh Q đã ly thân với nhau từ lâu không ai còn quan tâm, chăm sóc đến nhau nữa. Chị T và anh Q có 01 con chung là cháu Dương Thị Hồng N – Sinh ngày 10/11/2022, hiện đang sống cùng chị T. Về thu nhập của chị T và anh Q: Chị T và anh Q đều là những người làm nghề tự do, có thu nhập khoảng 6.000.000đồng/tháng. Đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên đương sự, nhất là bảo đảm quyền lợi đối với phụ nữ và trẻ em.

****Phát biểu của Kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy tại phiên tòa:***

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo

quy định của pháp luật; nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành các quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị T, xử cho chị T được ly hôn anh Q; Về con chung: Giao cháu Dương Thị Hồng N cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Ngọc thành N1; anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị T không yêu cầu; Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này; Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên toà hôm nay. Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn đang cư trú tại huyện T, tỉnh Phú Thọ, do đó Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

Đối với bị đơn, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần, tuy nhiên anh Q đều vắng mặt không có lý do. Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương, tổng đạt văn bản tố tụng cho anh Q theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào quy định tại Khoản 1, Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được; Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điểm b, Khoản 2, Điều 227 và Khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo thủ tục chung để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

2. Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị T và anh Q kết hôn với nhau năm 2022, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Đây một hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa chị T và anh Q đã xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, không cùng nhau đoàn kết xây dựng hạnh phúc gia đình, vợ chồng đã sống ly thân và không còn thực tế chung sống.

Việc anh Q không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng và không đến Tòa án làm việc chỉ nhằm mục đích kéo dài cuộc hôn nhân không còn tồn tại; gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Như vậy, việc chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Q là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, xử cho chị T được ly hôn anh Q là phù hợp.

[2] Về con chung: Chị T và anh Q có 01 con chung là cháu Dương Thị Hồng N, sinh ngày 10/11/2022.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện cháu N còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi, từ khi vợ chồng ly thân cháu N sinh sống cùng chị T. Cháu còn quá nhỏ, lại là con gái nên rất cần sự chăm sóc, gần gũi của người mẹ. Để đảm bảo sự phát triển toàn diện cho cháu và đồng thời đảm bảo cho cháu cuộc sống ổn định tránh thay đổi không có lợi. Do

vậy, cần giao cháu N cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Ngọc thành N1 là phù hợp quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Q không phải cấp dưỡng nuôi cháu N cùng chị T vì chị T không yêu cầu.

[3] Về tài sản chung, nợ chung, cho vay và công sức đóng góp: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Sau khi ly hôn, nếu các bên có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[5] Quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án.

[6] Đề nghị của Kiểm sát viên VKSND huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

***Căn cứ vào:** Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, 271, 273, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Dương Hồng Q.

2. Về con chung: Nguyễn Thị T được và anh Dương Hồng Q có 01 con chung là cháu Dương Thị Hồng N, sinh ngày 10/11/2022.

Giao cho chị Nguyễn Thị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu Dương Thị Hồng N kể từ khi chấm dứt quan hệ hôn nhân cho đến khi cháu Ngọc thành N1.

Anh Dương Hồng Q không phải cấp dưỡng nuôi cháu N cùng chị T và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung, cho vay và công sức đóng góp: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số: 0003 909 ngày 10/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án, cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân

sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Đào Xá (TB);
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trọng Tấn